

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư quy định tại Nghị định này bao gồm các hành vi sau:

a) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn Nhà nước;

b) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài;

c) Vi phạm quy định trong lĩnh vực quản lý đầu thầu;

d) Vi phạm quy định trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư chưa được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Điều 3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại các điều của Chương II Nghị định này.

Điều 4. Mức phạt tiền trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với cá nhân và hộ gia đình bằng 1/2 (một phần hai) mức phạt tiền đối với tổ chức.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 5. Vi phạm các quy định về Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án có xây dựng công trình)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ trình tự, thủ tục lập và thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Không tuân thủ trình tự, thủ tục và điều kiện điều chỉnh dự án đầu tư.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng đơn giá, định mức theo quy định;

b) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với quy mô của nhóm dự án theo quy định;

c) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không có trong quy hoạch hoặc chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bổ sung quy hoạch;

b) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả các khoản chi phí bị tăng thêm do việc lập dự toán, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

c) Buộc bổ sung các nội dung còn thiếu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này;

d) Buộc điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư có xây dựng công trình

Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư có xây dựng công trình về khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, xây dựng công trình, quản lý chất lượng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư được xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Điều 7. Vi phạm về báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không đúng thời hạn quy định;
- b) Lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;
- b) Lập báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư không trung thực.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc bổ sung các nội dung còn thiếu vào Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;
- b) Buộc gửi Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không tổ chức giám sát, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án ODA theo quy định;
- b) Thực hiện dự án chậm so với tiến độ quy định nếu không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi triển khai dự án không đúng các nội dung trong quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải tổ chức giám sát, đánh giá dự án theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vi phạm về chế độ báo cáo và cung cấp thông tin đối với chương trình, dự án ODA

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình, dự án ODA gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai lệch cho các bên hợp đồng, tư vấn lập và thực hiện chương trình, dự án ODA.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp thông tin, tài liệu chính xác cho các bên hợp đồng, tư vấn lập và thực hiện chương trình, dự án đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI VÀ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 10. Vi phạm các quy định về đầu tư tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo về hoạt động đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không trung thực về hoạt động đầu tư.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập hồ sơ dự án đầu tư không trung thực, không chính xác để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Thực hiện dự án chậm so với tiến độ quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nhưng không thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư;

c) Không thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, thủ tục thanh lý dự án đầu tư.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp không đúng quy định;

c) Chuyển đổi hình thức đầu tư hoặc chuyển nhượng vốn đầu tư không đúng quy định;

d) Chuyển nhượng dự án không đúng quy định.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp tục triển khai dự án khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư;

c) Tiếp tục triển khai dự án khi đã hết thời hạn hoạt động ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư;

d) Không triển khai dự án đầu tư sau 12 (mười hai) tháng mà không được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi triển khai thực hiện dự án khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện báo cáo về hoạt động đầu tư; báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

c) Buộc gửi thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;

d) Buộc thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, thanh lý theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều này;

đ) Buộc thực hiện thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều này.

Điều 11. Vi phạm các quy định về sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, kinh doanh

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, góp vốn, mua cổ phần khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Thay đổi dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đầu tư, kinh doanh sử dụng vốn nhà nước sai mục đích.

Điều 12. Vi phạm các quy định về đầu tư ra nước ngoài

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư ở nước ngoài theo quy định;

b) Không thông báo hoặc thông báo thực hiện dự án đầu tư không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập từ việc đầu tư ra nước ngoài về nước không đúng quy định;

c) Không chuyển vốn và tài sản hợp pháp về nước khi kết thúc dự án theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập hồ sơ không chính xác, không trung thực để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài;

b) Dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư vào chính dự án đầu tư đó khi Giấy chứng nhận đầu tư chưa được điều chỉnh theo quy định;

c) Dùng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để đầu tư vào dự án khác ở nước ngoài mà chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đầu tư ra nước ngoài khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư chấp thuận;

b) Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận;

c) Sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài không đúng quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện báo cáo đầu tư theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng các nội dung của Giấy chứng nhận đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

c) Buộc đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

d) Buộc thực hiện thủ tục đầu tư đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Vi phạm các quy định về ưu đãi đầu tư

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo lại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi không đáp ứng những điều kiện cam kết để được hưởng ưu đãi đầu tư. Trường hợp kê khai để hưởng ưu đãi đầu tư có vi phạm pháp luật về thuế thì áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không chính xác, không trung thực các thông tin cần thiết để được hưởng ưu đãi đầu tư.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả những ưu đãi đầu tư đã được hưởng không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và hợp đồng hợp tác công tư (PPP)

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án theo quy định;

b) Lập hồ sơ quyết toán giá trị công trình hoàn thành không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao công trình không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lập, thẩm tra các nội dung trong Báo cáo nghiên cứu khả thi không đúng quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 10, Điều 11 và Điều 13 của Nghị định này.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 16. Vi phạm các quy định về kế hoạch đấu thầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu không đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định;

b) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Phê duyệt hình thức hợp đồng, phương thức đấu thầu, thời gian thực hiện hợp đồng không phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu;

b) Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chia quy mô các gói thầu không hợp lý, không đáp ứng yêu cầu về tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án dẫn đến làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị đăng tải trên tờ báo đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu.

Điều 17. Vi phạm các quy định về hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi phê duyệt;

b) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không quy định trong hồ sơ mời thầu việc sử dụng lao động trong nước đối với các gói thầu đấu thầu quốc tế.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nêu các điều kiện tiên quyết để loại bỏ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không phù hợp với quy định, làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu;

b) Nêu các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không theo quy định hoặc không phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật của gói thầu.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không phù hợp với kế hoạch đấu thầu được duyệt về hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng.

5. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị đăng tải trên tờ báo đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu.

Điều 18. Vi phạm các quy định về tổ chức đấu thầu

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm cho nhà thầu theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo mời thầu, thông báo mời sơ tuyển, thư mời thầu, thông báo mời chào hàng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đúng quy định;
- b) Đóng, mở thầu không đúng thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu;
- c) Không gửi biên bản mở thầu cho nhà thầu theo quy định;
- d) Không thông báo kết quả đấu thầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu vượt quá thời gian quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không tổ chức thẩm định kết quả đấu thầu trước khi phê duyệt;
- b) Phê duyệt kết quả đấu thầu không đầy đủ nội dung, không đúng thẩm quyền theo quy định;
- c) Phê duyệt kết quả đấu thầu không phù hợp với nội dung kế hoạch đấu thầu được duyệt.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đúng theo tiêu chuẩn đánh giá được phê duyệt làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;
- b) Cho phép nhà thầu làm rõ hồ sơ dự thầu dẫn đến làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp hoặc làm thay đổi giá dự thầu;
- c) Thương thảo và ký kết hợp đồng không phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả đấu thầu được phê duyệt;

d) Không yêu cầu nhà thầu trúng thầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc chấp nhận cho nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng không đúng quy định.

6. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị đăng tải trên tờ báo đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu.

Điều 19. Vi phạm hành chính khác về đấu thầu

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không đăng tải thông tin về đấu thầu;
- b) Đăng tải thông tin về đấu thầu không đầy đủ nội dung, không đủ số lượt đăng;
- c) Đăng tải thông tin về đấu thầu không đúng thẩm quyền theo quy định;
- d) Tổ chức thực hiện việc đăng thông tin về đấu thầu không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu không đủ năng lực theo quy định;
- b) Không hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu theo quy định;
- c) Thu các khoản chi phí trong đấu thầu không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xử lý hoặc xử lý kiến nghị trong đấu thầu không đúng quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Buộc hoàn trả các khoản thu không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.

Mục 4
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH,
HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT
VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 20. Vi phạm quy định về kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác trong trường hợp:

- a) Đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- b) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
- c) Đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
- d) Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
- đ) Đăng ký giải thể doanh nghiệp;
- e) Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
- g) Thông báo tạm ngừng kinh doanh.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp đã kê khai không trung thực, không chính xác.

Điều 21. Vi phạm quy định về thời hạn đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không đúng thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau 10 ngày kể từ ngày có quyết định thay đổi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không công bố hoặc công bố không đúng thời hạn quy định nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo quy định.

Điều 23. Vi phạm các quy định về thành lập doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiếp tục hoạt động khi đã kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ mà không được gia hạn;

b) Không góp đúng hạn số vốn đã đăng ký.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không góp đủ số vốn như đã đăng ký.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị thực tế;

b) Kinh doanh dưới danh nghĩa doanh nghiệp khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc đã giải thể;

c) Kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký thành lập doanh nghiệp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký gia hạn hoạt động đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc đăng ký giảm vốn điều lệ theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc buộc góp đủ số vốn như đã đăng ký đối với các loại hình doanh nghiệp khác có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Buộc định giá lại tài sản góp vốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

d) Buộc đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về đăng ký người thành lập doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập là cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật không được quyền thành lập doanh nghiệp.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi đối với thành viên, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, cổ đông sáng lập là cá nhân, tổ chức theo quy định.

Điều 25. Vi phạm về việc kinh doanh ngành, nghề không có trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh ngành, nghề không có trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 26. Vi phạm quy định về việc thuê Giám đốc doanh nghiệp tư nhân

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thuê người khác làm Giám đốc doanh nghiệp tư nhân nhưng không đăng ký.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký bổ sung Giám đốc.

Điều 27. Vi phạm quy định về đăng ký thay đổi thành viên

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thay đổi thành viên trong thời hạn quy định kể từ ngày cam kết góp vốn lần cuối theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi thành viên theo kết quả góp vốn thực tế của các thành viên công ty.

Điều 28. Vi phạm quy định về việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi có yêu cầu tạm dừng của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh;

b) Không đăng ký thay đổi tên của doanh nghiệp theo yêu cầu của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đối với trường hợp doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền bảo hộ sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký thay đổi tên cho phù hợp với quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho thuê doanh nghiệp tư nhân nhưng không báo cáo bằng văn bản kèm theo hợp đồng cho thuê có công chứng đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan thuế;

b) Không nộp báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc gửi báo cáo tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 30. Vi phạm quy định về việc thông báo cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo bằng văn bản trong thời hạn quy định về thời điểm và thời hạn tạm dừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không thông báo bằng văn bản trong thời hạn quy định về việc thay đổi loại tài sản góp vốn của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn;

c) Không thông báo việc góp vốn cổ phần trong thời hạn quy định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn về việc bán doanh nghiệp tư nhân;

đ) Không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn thông báo chỉ định hoặc thay thế người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn;

e) Không thông báo kết quả tiến độ góp vốn bằng văn bản trong thời hạn quy định sau mỗi đợt góp vốn theo cam kết.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh các nội dung theo quy định.

Điều 31. Vi phạm quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không thường trú tại Việt Nam;

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vắng mặt tại Việt Nam trên 30 ngày mà không ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký người đang thường trú tại Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác hoặc đăng ký người khác cư trú ở Việt Nam làm người đại diện theo pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 32. Vi phạm khác liên quan đến tổ chức, quản lý doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn quy định, kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà không được Phòng kinh doanh cấp tỉnh gia hạn;

b) Bổ nhiệm người không được quyền quản lý doanh nghiệp giữ các chức danh quản lý;

c) Bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty cổ phần không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên công ty theo quy định;

b) Không lập sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông theo quy định;

c) Không gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp;

d) Không lưu giữ các tài liệu và con dấu tại trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc miễn nhiệm chức danh quản lý của người không được quyền quản lý doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc miễn nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty cổ phần đối với người không đủ tiêu chuẩn và điều kiện, đồng thời, bổ nhiệm người khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

d) Buộc cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

đ) Buộc lập sổ đăng ký thành viên, sổ đăng ký cổ đông theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

e) Buộc gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

g) Buộc lưu giữ tài liệu và con dấu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về Ban kiểm soát

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức Ban kiểm soát không đúng hoặc không đầy đủ thành phần theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên nhưng không thành lập Ban kiểm soát;

b) Công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc có một cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% cổ phần của công ty nhưng không thành lập Ban kiểm soát.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức lại Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thành lập Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về giải thể doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tiến hành thủ tục giải thể đối với doanh nghiệp thuộc các trường hợp bị giải thể theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Vi phạm quy định về thành lập, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh;

b) Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nhưng không thông báo cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo nơi đặt địa điểm kinh doanh với Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh tại nơi đó đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thông báo việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 36. Vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký kinh doanh nhiều hơn một địa điểm;

b) Đăng ký kinh doanh nhiều hơn một hộ kinh doanh;

c) Không báo cáo tình hình kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo tình hình kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Buộc kê khai lại những nội dung đã kê khai không trung thực, không chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 37. Vi phạm về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tạm ngừng kinh doanh nhiều hơn 30 ngày mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đăng ký.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo việc tạm ngừng kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo nội dung thay đổi đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Điều 39. Vi phạm quy định về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chấm dứt hoạt động kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh mà không thông báo hoặc không nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thông báo hoặc nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Điều 40. Vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không tổ chức Đại hội thành viên thường niên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Không lập sổ đăng ký thành viên sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) kê khai không trung thực, không chính xác hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Hoạt động mang danh nghĩa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhưng không có Giấy chứng nhận đăng ký thành lập.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức Đại hội thành viên thường niên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập sổ đăng ký thành viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Buộc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm các quy định về đăng ký vốn góp đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không huy động đủ và đúng thời hạn số vốn đã đăng ký;

b) Không duy trì mức vốn pháp định đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định;

c) Không cấp giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi để một thành viên góp vốn lớn hơn 20% tổng số vốn góp của hợp tác xã; một hợp tác xã thành viên góp vốn lớn hơn 30% tổng số vốn góp của liên hiệp hợp tác xã.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ vốn góp như đã đăng ký đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cấp giấy chứng nhận góp vốn cho thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc điều chỉnh lại tỷ lệ vốn góp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 42. Vi phạm các quy định về thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đăng ký hoặc đăng ký không đúng thời hạn hoặc không thông báo thay đổi các nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Không đăng ký đổi tên hợp tác xã khi đã thay đổi ngành, nghề kinh doanh để cấu thành tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký không trung thực, không chính xác những thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Tiếp tục kinh doanh trong thời gian hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thông báo tạm ngừng hoạt động.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều này.

Điều 43. Vi phạm các quy định về công khai thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không công bố thông tin theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công khai thông tin.

Điều 44. Vi phạm các quy định về tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập không đúng quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

Điều 45. Vi phạm các quy định về đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng ký địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có trên bản đồ hành chính;

b) Đăng ký địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của mình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký không trung thực, không chính xác những thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Chương III
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 46. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Kế hoạch và Đầu tư

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chánh thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đầu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Trường đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đầu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đầu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đầu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về đăng ký kinh doanh; phạt tiền đến 80.000.000 đồng đối hành vi vi phạm về đầu tư, đầu thầu;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 48. Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan khác

Các cơ quan Công an, Hải quan, Thuế, Thanh tra chuyên ngành và các cơ quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao nếu phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thì được quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Điều 39, Điều 42, Điều 44 và Điều 46 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định tại Nghị định này.

Điều 49. Xác định thẩm quyền xử phạt

Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt cá nhân bằng 1/2 (một phần hai) lần thẩm quyền xử phạt tổ chức.

Điều 50. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Các chức danh quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Nghị định này và người có thẩm quyền đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thì được quyền lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường đoàn thanh tra chuyên ngành kế hoạch và đầu tư khi phát hiện hành vi vi phạm được quyền lập biên bản vi phạm hành chính, nếu vượt quá thẩm quyền xử phạt thì phải chuyển biên bản đến người có thẩm quyền để tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và Nghị định số 62/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Điều 52. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HDND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh hợp tác xã Việt Nam;
- Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b) 505

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng